

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2014/QĐ-UBND

*Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng  
lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phí cung cấp thông tin về  
đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp; Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 9 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2004/STC-GCS ngày 15 tháng 8 năm 2014,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH<sub>2</sub>.

### **Gửi:**

- + VB giấy: Bộ Tài chính; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- + Bản ĐT gửi các thành phần khác.

OTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đình Sơn**

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng  
lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phí cung cấp  
thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

**1. Đối tượng nộp phí, lệ phí:**

- a. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam, đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- b. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh.
- c. Tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp thông tin.

**2. Các trường hợp không thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp:**

- a. Không thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp sau đây:
  - Doanh nghiệp cổ phần hoá khi chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần;
  - Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp, do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;
  - Bổ sung thông tin khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư có bao gồm nội dung đăng ký kinh doanh.

b. Không thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với trường hợp: Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng; Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước.

3. Đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí:

a. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là đơn vị thu lệ phí đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn huyện.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Chương II**

### **MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ, LỆ PHÍ**

#### **Điều 3. Mức thu**

Mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, phí cung cấp thông tin doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Quy định này.

#### **Điều 4. Chứng từ thu phí, lệ phí**

1. Đơn vị thu phí, lệ phí phải sử dụng biên lai thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Khi thu phí, lệ phí phải cấp biên lai thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí; nghiêm cấm việc thu phí, lệ phí không sử dụng biên lai, biên lai không đúng quy định hoặc thu cao hơn mệnh giá ghi trên biên lai, kết thúc năm tài chính phải quyết toán thu theo biên lai (không quyết toán số thu khoán khi đã có biên lai).

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí**

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí, lệ phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền phí, lệ phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, phí cung cấp thông tin doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Tổng số tiền thu phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp và Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.

#### **Điều 6. Chế độ tài chính kế toán**

1. Đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí phải căn cứ chế độ quy định của nhà nước lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí, lệ phí; trường hợp thu các loại phí, lệ phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí, lệ phí.

4. Đối với tiền phí, lệ phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí, lệ phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí tại nơi thu phí, lệ phí.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định.

2. Cơ quan thuế nơi đơn vị đóng trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, đơn đốc các đơn vị thu phí, lệ phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí, lệ phí theo đúng chế độ quy định.

3. Giao cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí, lệ phí theo đúng quy định.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí, lệ phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

ĐM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**\* Lê Đình Sơn**

**BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND  
Ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

| TT         | Nội dung                                                                                                                                  | Đơn vị tính                  | Mức thu |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp</b>                                                                                                        |                              |         |
| 1          | Cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp                                                                           | Đồng/lần                     | 200.000 |
| 2          | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy                                                     | Đồng/lần                     | 100.000 |
| 3          | Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp | Đồng/lần                     | 100.000 |
| <b>II</b>  | <b>Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh</b>                                                                                                       | Đồng/lần                     | 100.000 |
| <b>III</b> | <b>Phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp:</b>                                                                                       |                              |         |
| 1          | Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện                        | Đồng/bản                     | 20.000  |
| 2          | Thông tin về Điều lệ công ty                                                                                                              | Đồng/bản                     | 50.000  |
| 3          | Thông tin về Báo cáo tài chính của công ty cổ phần                                                                                        | Đồng/bản                     | 50.000  |
| 4          | Các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp                                                                                        | Đồng/tài liệu                | 25.000  |
| 5          | Thông tin về báo cáo tổng hợp về người thành lập, quản lý doanh nghiệp trong 03 năm                                                       | Đồng/01 báo cáo/doanh nghiệp | 100.000 |
| 6          | Thông tin về báo cáo tổng hợp về lịch sử doanh nghiệp trong 03 năm                                                                        | Đồng/01 báo cáo/doanh nghiệp | 200.000 |
| 7          | Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp                                                                                                 | Đồng/lần                     | 300.000 |

*Ghi chú:* Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được cung cấp dưới dạng văn bản hoặc file điện tử cho phép tổ chức, cá nhân sao chép, tải về máy tính và các thiết bị lưu trữ khác./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

